TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 20/06/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Ông Hồ Thanh Trí

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2016/TL.ST-KDTM, ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V

Trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Điền K; Chức vụ: Chuyên viên tổ giám sát kinh doanh và xử lý nợ; (Có mặt.)

(Theo văn bản ủy quyền số 433/2016/QĐ-LienvietPostBank.HG ngày 20/112016)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T (có mặt)

Bà Lê Thị Ngọc A(có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long A , thị trấn Cái T , huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 20/8/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V; Sở giao dịch Hậu G, phòng giao dịch Tân Phú T có ký kết hợp đồng tín dụng với bà Lê Thị Ngọc Á và ông Đặng Văn Th theo hợp đồng tín dụng số 0920001700013TD3/HDTD-LienVietPpstBank.TPT với thỏa thuận số tiền vay là 110.000.000đồng; với thương thức vay là từng lần; mục đích vay là bổ sung vốn chăm sóc vườn và nuôi cá, mua bán lúa; thời hạn vay là 11 tháng kể từ khi bên vay bắt đầu nhận tiền vay; ký trên khế ước nhận nợ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân; phương thức áp dụng lãi suất là lãi suất thả nỗi, định kỳ tự động điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng bưu điện Liên Việt và mức lãi suất định kỳ không thấp hơn lãi suất tối thiểu thông thường của Ngân hàng bưu điện Liên V tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 20/7/2014; kỳ hạn trả lãi và ân hạn là trả lãi theo 6 tháng. Theo hợp đồng này thì vợ chồng ông T và bà A cùng ký vào hợp đồng tín dụng; đến ngày 21/8/2013 thì ông T , bà A ký vào khế ước nhận nợ với số tiền 110.000.000đồng với ngân hàng với thỏa thuận lãi suất là 14%/năm, số tiền chậm trả lãi bằng 0,1% trên số ngày chậm trả và số tiền chậm trả.

Để bảo đảm cho hợp đồng vay ông Đặng Văn T và Bà Lê Thị Ngọc A có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013 để thế chấp phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số CH 00639 do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/7/2012 cho ông T để thế chấp diện tích đất 2.999,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 2114 tờ bản đồ 5B tại ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Theo hợp đồng thế chấp có ông Thắng và bà Ánh ký tên; được Văn phòng công chứng Hậu G công chứng.

Do vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T , bà A trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 189.456.455 đồng, trong đó vốn gốc là 101.999.297 đồng, lãi trong hạn là 59.138.714 đồng, lãi quá hạn là 28.381.440 đồng. Nếu ông T bà A không trả được nợ thì đề nghị cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình tố tụng tại Tòa án theo các lời khai cũng như tại biên bản hòa giải ông Đặng Văn T trình bày:

Vào năm 2013, ông cùng vợ là bà Lê Thị Ngọc A có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V; Sở giao dịch Hậu G, phòng giao dịch Tân Phú T mục đích là bổ sung vốn chăm sóc vườn và nuôi cá, mua bán lúa, thời hạn vay là 11 tháng kể từ khi bên vay nhận tiền trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân, đối với nợ ngân hàng ông đồng ý trả cho ngân hàng. Nếu không trả được nợ thì ông đồng ý phát mãi phần tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở theo hợp đồng thế chấp 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày

19/6/2013 số CH 00639 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/7/2012 cho ông T để thế chấp diện tích đất 2.999,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 2114 tờ bản đồ 5B tại ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc A trình bày: vào năm 2013, Bà và ông Đặng Văn T có ký tên vào hợp đồng tín dụng 0920001700013TD3/HDTD-LienVietPpstBank.TPT ngày 20/8/2013, vợ chồng bà vay số tiền là 110.000.000, thời hạn là 11 tháng, mục đích là bổ sung vốn chăm sóc vườn và nuôi cá, mua bán lúa; lãi suất cho vay áp dụng theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân, ngoài ra ông bà cũng có ký tên vào hợp đồng thế chấp số 0792/2013/HĐTC- LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013 để thế chấp phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số CH 00639 do UBND huyện Châu T tỉnh Hậu G cấp ngày 27/7/2012 cho ông T để thế chấp diện tích đất 2.999,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 2114 tờ bản đồ 5B tại ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Về việc ngân hàng khởi kiện bà và ông T có biết, nay ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì bà cũng đồng ý, tuy nhiên do bà đang gặp khó khăn nên không trả được, trường hợp ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản này thì tôi cũng đồng ý.

Ngoài ra do bà bận công việc nên yêu cầu Tòa án không mời bà tham gia tố tụng, không yêu cầu hòa giải và công khai chứng cứ, yêu cầu xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách của đương sự, thời hạn xét xử đảm bảo, ban hành các văn bản tố tụng đầy đủ đúng quy định, thực hiện việc giao các văn bản tố tụng và hồ sơ cho cho Viện kiểm sát được đảm bảo, các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi giải quyết vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, xét thấy bị đơn bà A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà A. Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận, buộc bị đơn ông T, bà A có trách nhiệm trả cho ngân hàng số nợ tổng cộng số tiền 189.456.455 đồng, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi ông T, bà A thanh toán xong nợ gốc; nếu không trả được nợ thì chấp nhận cho ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V có ký kết hợp đồng tín dung với ông Đặng Văn T; bà Lê Thị Ngọc A và có phát sinh tranh chấp hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán vốn gốc và lãi. Xét khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Ngọc A có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Ánh.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy ngày 20/8/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V; Sở giao dịch Hậu G, phòng giao dịch Tân Phú T có ký kết hợp đồng tín dụng với bà Lê Thị Ngọc A và ông Đặng Văn T theo hợp đồng tín dụng số 0920001700013TD3/HDTD-LienVietPpstBank.TPT với thỏa thuận số tiền vay là 110.000.000đồng; Phương thức vay là từng lần; mục đích vay là bổ sung vốn chăm sóc vườn và nuôi cá, mua bán lúa; thời hạn vay là 11 tháng kể từ bên vay bắt đầu nhận tiền vay; ký trên khế ước nhận nợ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân; phương thức áp dụng lãi suất là lãi suất thả nỗi, định kỳ tự động điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên V và mức lãi suất định kỳ không thấp hơn lãi suất tối thiểu thông thường của Ngân hàng bưu điện Liên Việt tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 20/7/2014; kỳ hạn trả lãi và ân hạn là trả lãi theo 6 tháng. Theo hợp đồng này thì vợ chồng ông T và bà A cùng ký vào hợp đồng tín dụng; đến ngày 21/8/2013 thì ông T bà A ký vào khế ước nhận nợ với số tiền 110.000.000đồng với ngân hàng với thỏa thuận lãi suất là 14%/năm, số tiền chậm trả lãi bằng 0,1% trên số ngày chậm trả và số tiền chậm trả.

Để bảo đảm cho hợp đồng vay ông Đặng Văn T và Bà Lê Thị Ngọc A có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013 để thế chấp phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số CH 00639 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/7/2012 cho ông T để thế chấp diện tích đất 2.999,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 2114 tờ bản đồ 5B tại ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị Ngọc A thừa nhận có cùng với ông Đặng Văn T vay số tiền 110.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng như đại diện ngân hàng, có ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm khoản vay và đồng ý phát mãi phần tài sản là quyền sử dụng đất đã thế chấp nếu ông bà không trả được nợ.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày trong quá trình vay ông T và bà A trả được tổng cộng số tiền nợ gốc là 8.000.000đồng và phần lãi là 11.494.722 đồng; còn nợ gốc lại số tiền là 101.999.297 đồng; lãi trong hạn là 59.138.147 đồng; lãi quá hạn là 28.381.440 đồng, lãi phạt lãi là 3.399.773 đồng.

Xét yêu cầu đòi lại tiền nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì số tiền vay là 110.000.000đồng, trong đó ông T bà A đã trả được 8.000.000đồng nợ gốc và lãi là 11.494.722 đồng; còn lại số tiền là 101.999.297 đồng; lãi trong hạn là 59.138.147 đồng; lãi quá hạn là 28.381.440 đồng, lãi phạt lãi là 3.399.773 đồng, xét

thấy trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận như trình bày của bà A có ký hợp đồng tín dụng, và đồng ý trả số nợ trên cho ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện trả số nợ gốc, lãi cho ngân hàng với tổng số tiền là 189.456.455 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tại Điều 3 quy định lãi suất cho vay được áp dụng theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân, Phương thức áp dụng lãi suất là lãi suất thả nỗi, định kỳ tự động điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V và mức lãi suất định kỳ không thấp hơn lãi suất tối thiểu thông thường của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V tại thời điểm điều chỉnh. Theo khế ước nhận nợ ngày 20/8/2013 thì lãi suất là 14% năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, số tiền chậm trả lãi bằng 0,1% trên số ngày chậm trả và số tiền chậm trả. Phương thức áp dụng lãi suất là lãi suất thả nỗi.

Đại diện ngân hàng trình bày tại thời điểm vay đến nay lãi suất không biến động nên khoản vay của vợ chồng ông T; bà A không thay đổi và áp dụng lãi suất trong hạn là 14%/năm; ngân hàng cho rằng từ lúc vay đến nay vợ chồng ông T chỉ trả lãi được 11.492.767đồng; số tiền lãi này ngân hàng đã trừ vào số lãi phát sinh đã đóng. Ông T bà A thừa nhận có đóng lãi như đại diện ngân hàng trình bày nhưng ông nhớ số tiền là bao nhiêu, không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên chấp nhận theo ý kiến của đại diện ngân hàng với số tiền lãi trong hạn là: 101.999.297 x 14% x 1.411 ngày = 59.138.714 đồng.

Lãi quá hạn: theo thỏa thuận tại hợp đồng thì lãi quá hạn được tính là 150% lãi trong hạn tức bằng 14% x 150% = 21%; lãi quá hạn được tính từ ngày 20/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2018 cụ thể 101.999.297đồng x 21% x 1.411/360 = 28.381.440 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi: Ngân hàng yêu cầu tính lãi phạt trên số tiền lãi chậm trả với số tiền là 3.399.773 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù tại mục 4 Điều 4 của Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất phạt, tuy nhiên thỏa thuận này là trái quy định pháp luật vì lãi sinh lãi và tại phiên tòa Đại diện ngân hàng rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản nợ đã vay, ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc A đã ký hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp phần đất theo hợp đồng thế chấp số 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013 để thế chấp phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở số CH 00639 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/7/2012 cho ông T để thế chấp diện tích đất 2.999,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 2114 tờ bản đồ 5B tại ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết ông T, bà A thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp số 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013

Xét thấy, ông T bà A thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng khi có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền tài sản, các hợp đồng thế chấp được công chứng hợp pháp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp số 0792/2013/HĐTC- LienVietpostBank.TPT ngày 19/6/2013 có hiệu lực vì vậy việc thế chấp quyền sử dụng các phần đất là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi ông T và bà A có trách nhiệm trả cho ngân hàng tổng cộng vốn gốc và lãi là 189.456.455 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 342 của Bộ luật dân sự 2015;

-Điều 130 của Luật Đất đai 2003;

- Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V.

Buộc ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V số tiền tổng cộng là 189.519.455đồng *(Một trăm tám mươi chín triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng);* trong đó vốn gốc là 101.999.297đ *(Một trăm lẽ một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng)* lãi trong hạn 59.138.741đồng *(Năm mươi chín triệu một trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng);* lãi quá hạn là 28.381.440 đồng *(Hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng)*.

Tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Văn T bà Lê Thị Ngọc A thanh toán dứt nợ gốc.

Trong trường hợp ông Đặng Văn T bà Lê Thị Ngọc A không trả được nợ thì Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V có quyền yêu cầu

phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0792/2013/HĐTC-LienVietPpstBank.TPT ngày 19/6/2013 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí, lệ phí thẩm định đo đạc:

Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc A phải chịu số tiền là 5.500.000 đồng *(năm triệu năm trăm nghìn đồng)* nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu G để trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V.

3. Về án phí:

Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc A phải chịu 9.475.972đồng *(chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V được nhận lại số tiền 3.925.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010911 ngày 10/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh